

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 975/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 01-11-2019
V/v tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLPT-HNGĐ ngày 19/02/2019 về tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 1234/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4085/2019/QĐ-PT ngày 09/9/2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 8093/2019/QĐ-PT ngày 04/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: Số 01 đường A, Phường B, Quận C, Tp Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Lê D – sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: 1806/115/12 đường H, thị trấn N, huyện N, TpHCM.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh T2 - sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Chung cư E3 đường H, Phường L, quận I, TpHCM.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
Trụ sở: 198 đường K, Quận O, Tp Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Minh N – sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: 2D-2E đường Y, Phường M, Quận M, TpHCM.

3.2/ Công ty Cổ phần đầu tư Nam Long (vắng mặt)

Trụ sở: Số 6 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, TpHCM.

3.3/ Ông Nguyễn Nhất T3 – sinh năm: 1960 (vắng mặt)

3.4/ Bà Nguyễn Thị M - sinh năm: 1962 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: Thôn S, Xã Y, Huyện X, Tỉnh Quảng Nam.

Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 ngày 10/12/2018 và Quyết định Kháng nghị số 445/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận I.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Minh T2 kết hôn năm 2003. Ngày 20/12/2014 ông T2 ký hợp đồng mua căn hộ tại địa chỉ Chung cư E3 đường H, Phường L, quận I với giá 808.642.000 đồng. Khi mua nhà bà T1 có góp 200.000.000 đồng. Năm 2015 bà T1 và ông T2 ly hôn nhưng chưa giải quyết phần T2 sản. Nay, bà T1 yêu cầu ông T2 trả lại cho bà một phần giá trị T2 sản chung là số tiền 200.000.000 đồng vì số tiền này do ba mẹ bà T1 cho riêng bà để góp vào mua căn hộ, sau khi ông T2 trả hết số tiền cho bà T1 thì căn hộ này là của ông T2. Trường hợp ông T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu thì bà T1 được quyền yêu cầu phát mãi T2 sản là căn hộ nói trên để thực hiện nghĩa vụ.

Tại các bản khai ngày 20/12/2016 và ngày 11/9/2018 ông Trần Minh T2 trình bày:

Ông T2 xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, bà T1 có góp số tiền 200.000.000 đồng để mua căn hộ nói trên, số tiền này do ba mẹ bà T1 cho riêng bà T1. Nay, bà T1 yêu cầu ông T2 trả lại số tiền 200.000.000 đồng này thì ông T2 đồng ý hoàn trả nhưng do căn hộ mua trả góp, hàng tháng ông T2 phải trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nên hiện tại ông chưa có tiền. Nếu bà T1 đồng ý, hàng tháng ông sẽ trả cho bà T1 8.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền trên, sau khi trả xong

bà T1 phải có nghĩa vụ xác nhận căn hộ trên là T2 sản riêng của ông T2. Trường hợp, ông có tiền thì sẽ trả hết cho bà T1 một lần.

Nếu bà T1 muốn lấy lại số tiền này thì bà T1 có quyền yêu cầu xử lý hoặc bán căn hộ vì đây là T2 sản chung của ông và bà T1 nên bà T1 có quyền đòi với T2 sản theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam trình bày:

Ông Trần Minh T2 và bà Nguyễn Thị T1 có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh S1 để vay số tiền 550.000.000 đồng mua căn hộ tại địa chỉ Chung cư E3 đường H, Phường L, quận I. Để đảm bảo khoản vay, ông T2, bà T1 và Công ty Nam Long ký hợp đồng hợp tác ba bên thế chấp quyền T2 sản phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ nói trên.

Ngân hàng có ý kiến như sau:

Hợp đồng tín dụng nói trên do ông T2 và bà T1 ký vay nên ông T2 và bà T1 phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Sau khi thu đủ hết nợ, Ngân hàng giải chấp và trả lại giấy tờ sở hữu căn hộ cho ông T2 và bà T1.

Trường hợp, ông T2 và bà T1 không thống nhất việc phân chia T2 sản chung hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng vay thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án ra quyết định bàn giao T2 sản là căn hộ nói trên cho Ngân hàng xử lý bán đấu giá để thu hồi nợ.

Ý kiến của đại diện Công ty Cổ phần Nam Long:

Căn hộ Chung cư E3 đường H, Phường L, quận I do ông T2 đứng tên mua. Ngân hàng, Công ty, ông T2 và bà T1 có ký hợp đồng hợp tác ba bên, theo đó ông T2 và bà T1 được Ngân hàng T2 trợ số tiền 550.000.000 đồng để mua căn hộ. Để đảm bảo khoản vay, ông T2 và bà T1 dùng T2 sản là toàn bộ quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ trên thế chấp cho Ngân hàng. Ông T2 đã nhận bàn giao căn hộ và thanh toán tổng số tiền là 769.440.000 đồng, số tiền còn phải thanh toán là 39.202.000 đồng, ông T2 chưa cung cấp hồ sơ cá nhân để chủ đầu tư làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và T2 sản gắn liền với đất đối với căn hộ này.

Ý kiến của ông Nguyễn Nhất T3 và bà Nguyễn Thị M:

Ông T3 và bà M xác nhận có cho riêng bà T1 số tiền 200.000.000 đồng để góp vào mua căn hộ tại địa chỉ Chung cư E3 đường H, Phường L, quận I, số tiền này được chuyển qua T2 khoản ông T2. Ông T3, bà M đề nghị Tòa án buộc ông T2 trả lại số tiền trên cho bà T1.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 1234/2018/HNGĐ-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 về việc bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu bị đơn ông Trần Minh T2 trả lại cho bà một phần giá trị của T2 sản chung là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) mà bà đã góp vào mua căn hộ số Chung cư E3 đường H, Phường L, quận I, TpHCM.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự của các đương sự.

Ngày 10/12/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử chấp nhận yêu cầu bà T1 buộc ông T2 phải trả số tiền 200.000.000 đồng mà bà T1 đã góp vào mua T2 sản chung.

Ngày 13/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân Quận I có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 445/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Ngày 05/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận I ban hành quyết định số 07/QĐ-VKS-DS rút toàn bộ quyết định kháng nghị nêu trên.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Trần Minh T2 vắng mặt tại phiên Tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Công ty Cổ phần đầu tư Nam Long, ông Nguyễn Nhật T3 và bà Nguyễn Thị M đều vắng mặt tại phiên Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Xét thấy đơn kháng cáo của bà T1 làm trong hạn luật định. Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Ngày 05/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận I đã rút toàn bộ quyết định kháng nghị.

Về nội dung: Xét yêu cầu của bà T1 buộc ông T2 phải trả 200.000.000 đồng. Căn cứ vào lời khai đương sự và các chứng cứ thể hiện bà T1 có góp 200.000.000 đồng để mua căn hộ tại chung cư Ehome 3 Hồ Học Lãm, Phường An Lạc, Quận I, TpHCM, số tiền còn lại là bà T1 và ông T2 vay của Ngân hàng.

Để đảm bảo khoản vay, ông T2 và bà T1 thế chấp căn hộ từ hợp đồng mua bán căn hộ nói trên cho Ngân hàng. Hiện ông T2 và bà T1 đang tiếp tục thực hiện hợp đồng vay cho Ngân hàng. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 6 của Hợp đồng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T1, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T2 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

- Bị đơn ông Trần Minh T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Nam Long đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ông Nguyễn Nhật T3 và bà Nguyễn Thị M có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Ngày 05/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận I ban hành quyết định số 07/QĐ-VKS-DS rút toàn bộ quyết định kháng nghị số 445/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13/12/2018 nên được chấp nhận.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của đương sự:

Xét thấy trong thời kỳ hôn nhân bà T1 và ông T2 có tạo lập được T2 sản chung là căn hộ tại địa chỉ Chung cư E3 đường H, Phường L, quận I với giá 808.642.000 đồng. Số tiền mua căn hộ là do bà T1 có góp tiền vào để mua là 200.000.000 đồng, số tiền còn lại là vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh S1 550.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay, ông T2 và bà T1 dùng T2 sản là toàn bộ quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán căn hộ trên thế chấp cho Ngân hàng. Nay bà T1 và ông T2 đã ly hôn theo Quyết định số 1348/2015/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận I nên việc bà T1 yêu cầu giải quyết về phần T2 sản mà bà đã góp vào để mua trong thời kỳ hôn nhân là có cơ sở.

Bản án sơ thẩm đã tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa chính xác vì theo yêu cầu của bà T1 chỉ yêu cầu ông T2 trả lại số tiền 200.000.000 đồng mà bà T1 đã góp vào để mua T2 sản chung. Số tiền này được ông T2 thừa nhận khi mua nhà bà T1 có góp vào số tiền này và đồng ý hoàn trả

cho bà T1 số tiền trên (BL: 96, 97). Xét, đây là sự tự nguyện của ông T2 nên được chấp nhận. Tuy nhiên, giữa bà T1 và ông T2 không thống nhất được phương thức thanh toán số tiền, bà T1 yêu cầu ông T2 phải thanh toán hết một lần, ông T2 cho rằng do phải trả góp tiền mua căn hộ hàng tháng cho Ngân hàng nên không thể trả hết một lần cho bà T1 200.000.000 đồng mà chỉ có thể trả dần mỗi tháng 8.000.000 đồng. Xét, yêu cầu này của ông T2 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T1 nên không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, buộc ông T2 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T1 số tiền 200.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Sau khi ông T2 thanh toán hết số tiền 200.000.000 đồng cho bà T1 thì ông T2 được trọn quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ căn hộ Chung cư E3 đường H, Phường L, quận I. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự (BL: 96, 97, 98) nên được ghi nhận.

[5] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh S1 do không có yêu cầu độc lập trong vụ án này nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 293; Điều 296; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1.
2. Sửa bản án sơ thẩm số 1234/2018/HNGĐ-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1. Buộc ông Trần Minh T2 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T1 một phần giá

trị T2 sản chung là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) mà bà T1 đã góp vào mua căn hộ tại địa chỉ chung cư E3 đường H, Phường L, quận I, TpHCM.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Sau khi ông Trần Minh T2 thanh toán hết số tiền trên cho bà Nguyễn Thị T1 và ông T2, bà T1 đã thực hiện xong các khoản nợ, nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 5 (Tên mới: Ngân TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh S1) và Công ty Cổ phần đầu tư Nam Long theo hợp đồng tín dụng số 0358/TD3/14CD ngày 30/12/2014 và hợp đồng mua bán căn hộ số A021018/FF15/TH02PA2A ngày 20/12/2014 thì ông T2 được liên hệ với cơ quan chức năng để tiến hành đăng ký xác lập trọn quyền sở hữu, quyền sử dụng toàn bộ căn hộ tại địa chỉ Chung cư E3 đường H, Phường L, quận I, TpHCM.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Minh T2 không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng ông T2 phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

2.3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm do Viện kiểm sát nhân dân Quận I rút toàn bộ yêu cầu kháng nghị.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm 10.000.0000 đồng (*Mười triệu đồng*) ông Trần Minh T2 phải chịu.

3.2 Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000718 ngày 28/7/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận I.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0030742 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận I.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Uyên Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Lưu Thị Thủy Tiên

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận I, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận I
, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên